

## Nhà nước và biến đổi gia đình

**Lê Ngọc Văn**

Viện Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích tác động của Nhà nước đến sự biến đổi của gia đình Việt Nam ở ba thời kỳ lịch sử khác nhau gắn liền với những biến đổi kinh tế xã hội của đất nước, đặc biệt là những thay đổi về cơ sở kinh tế của gia đình. Đó là những thời kỳ từ sau cách mạng tháng Tám đến trước những năm 1960; từ những năm 1960 đến trước đổi mới và thời kỳ thứ ba là từ những năm 1980 đến nay. Việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến biến đổi gia đình cho thấy sự biến đổi gia đình không chỉ là sản phẩm của những biến đổi kinh tế xã hội. Nhà nước Việt Nam luôn chủ động tạo ra cũng như điều chỉnh sự biến đổi gia đình theo ý chí chủ quan của mình nhằm phát huy vai trò của gia đình như một nhân tố bảo đảm thành công trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước. Mỗi nhân tố đều có tác động hai mặt đến biến đổi gia đình, bao gồm cả những tác động tích cực và tác động tiêu cực. Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc gạt bỏ, hạn chế các tác động tiêu cực đến biến đổi gia đình, và phát huy các yếu tố tích cực đối với gia đình.

**Từ khóa:** Gia đình; Nhà nước và gia đình; Hôn nhân và gia đình; Chính sách về gia đình.

### Quan điểm của Nhà nước về gia đình

Nhà nước là một trong các nguồn tác động quan trọng đến biến đổi gia đình. Trong những thời điểm xã hội có những biến động lớn về chính trị hoặc kinh tế, xã hội, Nhà nước thường ban hành những chính sách và pháp

luật mới nhằm điều chỉnh và hỗ trợ sự phát triển của gia đình. Ở Việt Nam, Nhà nước có một vai trò đặc biệt trong sự biến đổi của gia đình. Vai trò của Nhà nước không chỉ dừng lại như một tác nhân khách quan mà còn là người chủ trương, khởi xướng tạo ra sự biến đổi gia đình. Kể từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, Nhà nước luôn luôn có những tác động nhằm biến đổi gia đình theo những tiêu chí và chuẩn mực mới phù hợp với các mục tiêu chính trị xã hội trong từng giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam. Như thế sự biến đổi gia đình ở Việt Nam dưới tác động Nhà nước không dừng lại với tư cách là sản phẩm của những biến đổi kinh tế xã hội mà còn là kết quả của ý chí của Nhà nước trong việc phát huy vai trò của gia đình như một nhân tố bảo đảm thành công trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước. Điều này được thể hiện rõ trong quan điểm của Nhà nước về gia đình.

Trong nhiều văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước, gia đình được đề cập tới như một điều kiện bảo đảm sự thành công của các nhiệm vụ cách mạng: “ Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng và chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hoá mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hoá gia đình” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc ĐCSVN lần thứ VI, 1987, tr.95); “ Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Luật Hôn nhân và Gia đình, 2000).

Gần đây nhất, trong Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005-2010, Nhà nước cũng nêu rõ vai trò của gia đình trong việc bảo đảm thành công của cách mạng trong giai đoạn mới: “ Gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của xã hội, sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xây dựng gia đình Việt Nam ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con), no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc là động lực của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

Để đạt được mục tiêu của mình, Nhà nước có thể trực tiếp hoặc gián tiếp chủ động tạo ra sự biến đổi của gia đình. Chính vì thế tác động của

Nhà nước đến biến đổi gia đình luôn chứa đựng cả những mặt tích cực và những mặt tiêu cực, cả những may mắn và rủi ro. Trong vai trò là một bộ phận của xã hội chịu sự áp chế của Nhà nước, thì cơ cấu, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và việc thực hiện các chức năng cơ bản của gia đình chịu ảnh hưởng và bị chi phối rất mạnh mẽ bởi đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sự tác động của Nhà nước đến gia đình có thể là động lực - “bà đỡ” cho sự phát triển của gia đình nói chung và của từng thành viên gia đình nói riêng, song cũng có thể là một lực cản, một “sức mạnh” kìm hãm sự phát triển của gia đình (cả về khía cạnh kinh tế và xã hội). Nếu Nhà nước có quan điểm phù hợp với qui luật khách quan, nhận thức rõ vai trò của gia đình trong sự phát triển chung của xã hội thì pháp luật của Nhà nước sẽ là “bà đỡ” cho sự phát triển toàn diện của gia đình. Trong trường hợp ngược lại, pháp luật sẽ kìm hãm vai trò xã hội đích thực của gia đình, đặc biệt khi Nhà nước nhìn nhận và điều chỉnh các quan hệ gia đình dưới góc độ thiên kiến, cực đoan hoặc đặt gia đình ở vị trí không tương xứng với vai trò mà xã hội đã trao cho thể chế này. Thực tiễn tác động của Nhà nước đối với gia đình Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua đã chứng minh điều đó.

### **Tác động của Nhà nước đến biến đổi gia đình**

Có thể phân tích tác động của Nhà nước đến sự biến đổi của gia đình Việt Nam ở ba thời kỳ lịch sử khác nhau gắn liền với những biến đổi kinh tế xã hội của đất nước, đặc biệt là những thay đổi về cơ sở kinh tế của gia đình. Thời kỳ thứ nhất là từ sau cách mạng tháng Tám đến trước những năm 1960. Thời kỳ thứ hai là từ những năm 1960 đến trước thời kỳ đổi mới (những năm 1980). Và thời kỳ thứ ba là từ những năm 1980 đến nay.

#### ***Thời kỳ từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đến trước những năm 1960***

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đã biến nước ta từ một nước nô lệ, phụ thuộc trở thành một nước độc lập có chủ quyền. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, xoá bỏ chế độ ách thống trị của thực dân xâm lược và chế độ phong kiến. Mặc dù Nhà nước non trẻ gặp rất nhiều khó khăn, chống trả với thù trong, giặc ngoài, rồi trải qua một cuộc trường kỳ kháng chiến suốt 9 năm sau đó, nhưng Nhà nước đã phát động toàn dân vừa kháng chiến vừa xây dựng đời sống mới, cải tạo những phong tục tập quán cũ lạc hậu, lỗi thời, được coi là tàn dư của chế độ phong kiến. Gia

đình, nơi lưu giữ những giá trị, chuẩn mực cũ cần phải được thay đổi. Nhà nước quyết tâm xây dựng một mô hình gia đình mới phù hợp với cuộc sống mới và chế độ xã hội mới.

Nhà nước tuyên bố quyền bình đẳng nam nữ, và trao cho họ quyền tự do yêu đương, tự do tìm hiểu để đi tới hôn nhân, tình yêu nam nữ được thừa nhận là điều kiện để hình thành gia đình mới. Những chuẩn mực mới về hôn nhân đối lập với sự áp đặt hôn nhân của cha mẹ đối với con cái (cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy). Nhà nước cũng chống lại chế độ đa thê (đàn ông lấy nhiều vợ), ủng hộ hôn nhân tiến bộ một vợ một chồng. Nhiều hủ tục về cưới xin và mê tín dị đoan cũng bị phê phán và loại bỏ như: thách cưới, lễ so tuổi, lễ tơ hồng, lễ lạy sống ông bà cha mẹ bên nhà trai và bên nhà gái vào ngày cưới... Nhà nước cũng bênh vực người phụ nữ trong quan hệ gia đình, phê phán thói gia trưởng của người đàn ông người chồng trong chế độ phong kiến áp bức, bóc lột phụ nữ và trói buộc người phụ nữ, người vợ trong không gian chật hẹp và những công việc của gia đình, họ hàng.

Nhà nước phê phán sự áp đặt hôn nhân của cha mẹ đối với con cái nhưng trong một số trường hợp, thông qua các cơ quan, tổ chức, Nhà nước đã thực hiện vai trò là người mối lái hôn nhân, tác thành hạnh phúc trăm năm cho các thành viên trong cơ quan và tổ chức của mình. Trước đây hôn nhân phải được gia đình và họ hàng tán thành và do cha mẹ sắp đặt thì ở giai đoạn này cơ quan và tổ chức ở một chừng mực nào đó đã thay thế vai trò của gia đình. Nam nữ thanh niên yêu nhau thay vì báo cáo cha mẹ là phải báo cáo tổ chức. Tổ chức là một từ có nghĩa rộng. Đó có thể là chi bộ đảng, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn, lớp học, thủ trưởng cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, nông trường, đơn vị bộ đội... nói tóm lại là một tập thể mà cá nhân đó tham gia sinh hoạt. Việc nam nữ thanh niên yêu nhau mà không báo cáo tổ chức và không được tổ chức cho phép có thể bị coi là “bất chính”, hoặc vi phạm đạo đức, và bị kỷ luật. Các tổ chức không những phải biết rõ các thành viên của mình yêu ai, lấy ai, mà còn có những quan điểm và tiêu chuẩn riêng của mình về hôn nhân. Nếu các cá nhân vi phạm những điều cấm kỵ của tổ chức thì tổ chức sẵn sàng can thiệp dưới nhiều hình thức khác nhau (thuyết phục, khuyên răn, phê bình, cao hơn nữa là cảnh cáo, kỷ luật, khai trừ ra khỏi tổ chức), buộc các nhân phải tuân theo ý chí của tổ chức. Trong thời kỳ đó, có trường hợp đảng viên, đoàn

viên thanh niên hoặc những người có chức vụ đã nhận những hình thức kỷ luật cụ thể, thậm chí có thể bị khai trừ ra khỏi đảng, đoàn, hoặc bị mất chức vụ vì việc lựa chọn đối tượng kết hôn được cho là không phù hợp, không đảm bảo những điều kiện hoặc tiêu chuẩn nhất định đã được đặt ra, ví dụ như kết hôn với những thành phần bị coi là kẻ thù của giai cấp và của dân tộc.

Tổ chức không chỉ kiểm soát hôn nhân mà còn có vai trò quan trọng trong việc tác thành hôn nhân mới từ việc giúp đỡ và tạo điều kiện cho các đôi nam nữ gặp gỡ yêu đương tìm hiểu nhau cho đến việc thay mặt gia đình đứng ra tổ chức lễ cưới cho các đôi nam nữ theo đời sống mới. Lời dặn dò của đại diện chính quyền, đoàn thể hay tổ chức đối với cô dâu chú rể là rất thiêng liêng và là một nội dung không thể thiếu trong các đám cưới theo đời sống mới. Âm hưởng chủ đạo trong lời dặn dò của vị đại diện tổ chức đối với đôi tân hôn thời kỳ ấy được thể hiện trong câu khẩu hiệu được treo ở vị trí trang trọng trong các đám cưới với dòng chữ lớn: “Vui duyên mới không quên nhiệm vụ”.

Nhà nước tuyên bố bảo vệ gia đình, nhưng đó là gia đình theo chuẩn mực mà Nhà nước đặt ra. Theo đó, trong bất luận trường hợp nào và vì bất kỳ lý do gì, ly hôn hay bỏ vợ, bỏ chồng là điều khó có thể chấp nhận và bị coi là vi phạm đạo đức. Tổ chức (bao gồm cả cơ quan pháp luật) sẵn sàng can thiệp để ngăn cản hành vi này. Nhiều cặp vợ chồng khi đặt vấn đề ly hôn đã rơi vào tình cảnh “thời thì cũng dở mà ở cũng không xong”, không sống được với vợ, chồng cũ (vì không còn tình cảm), nhưng cũng không được phép lấy vợ, chồng mới (vì toà án kéo dài thời gian hoà giải chứ không cấp giấy chứng nhận ly hôn). Thái độ này của Nhà nước đã thực sự làm nản lòng những người có ý định ly hôn và họ đành phải tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cho dù không muốn.

Có thể thấy Nhà nước có vai trò lớn tác động đến sự biến đổi gia đình trong việc phê phán các chuẩn mực cũ và đưa ra những chuẩn mực mới về hôn nhân và gia đình. Những chuẩn mực mới này nhanh chóng đi vào cuộc sống và tạo ra một luồng gió mới, một sự thay đổi mới trong các mối quan hệ hôn nhân và gia đình, mặc dù cơ sở kinh tế của gia đình vẫn chưa có những thay đổi lớn, ngoại trừ việc tước đoạt ruộng đất của tầng lớp địa chủ chia cho nông dân nghèo ở nông thôn miền Bắc trong cải cách ruộng đất 1954. Trong thời kỳ này, gia đình vẫn là một đơn vị sản xuất nhỏ tự cung

tự cấp khép kín. Nền kinh tế tiểu nông và những giá trị, chuẩn mực gia đình sinh ra từ nền kinh tế đó vẫn tiếp tục duy trì cùng với những giá trị và chuẩn mực mới được Nhà nước đề xướng.

*Thời kỳ từ những năm 1960 đến trước thời kỳ đổi mới (giữa những năm 1980)*

Đây là thời kỳ có những thay đổi lớn về cơ sở kinh tế của gia đình ở miền Bắc. Nhà nước thực hiện chính sách xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất với quan điểm cho rằng kinh tế gia đình và sở hữu tư nhân là trái với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; rằng kinh tế tư nhân và sở hữu tư nhân sẽ từng ngày từng giờ đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.

Ở nông thôn, ruộng đất, trâu bò và các công cụ sản xuất khác của các hộ gia đình nông dân được đưa vào hợp tác xã, trở thành sở hữu tập thể. Nông dân trở thành xã viên hợp tác xã. Điều hành hợp tác xã là ban chủ nhiệm gồm có chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm. Hợp tác xã có các đội sản xuất. Hợp tác xã có các quy mô khác nhau. Lúc đầu mỗi thôn là một hợp tác xã, hoặc hai, ba thôn thành một hợp tác xã, về sau phát triển thành hợp tác xã quy mô toàn xã. Xã viên hợp tác xã đi làm theo sự điều hành hướng dẫn của đội trưởng sản xuất và được tính ngày công theo công điểm. Cuối vụ các gia đình được chia thóc lúa, hoa màu và các nông sản khác theo giá trị ngày công sau khi hợp tác xã trừ đi các chi phí sản xuất, đóng thuế cho Nhà nước và các chi phí khác.

Ở thành phố và khu vực sản xuất phi nông nghiệp, Nhà nước tiến hành cải tạo công thương nghiệp và tư bản tư nhân, đưa tất cả những người làm ăn cá thể vào tập thể, thực hiện quốc hữu hoá các cơ sở sản xuất của các chủ tư bản hoặc sáp nhập các cơ sở sản xuất của tư nhân vào nhà nước thành các đơn vị công tư hợp doanh, trong đó nhà nước có vai trò chủ đạo.

Sau khi nước nhà thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế miền Nam cũng được cải tạo theo mô hình miền Bắc. Ở nông thôn hình thành các tập đoàn sản xuất (một hình thức khác của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp). Ở thành phố cũng tiến hành cải tạo công thương nghiệp và tư bản tư nhân. Tuy nhiên quan hệ sản xuất mới đã không đem lại hiệu quả kinh tế như mong đợi, đời sống của người lao động, đặc biệt là các gia đình nông dân, gặp rất nhiều khó khăn. Chính vì thế Nhà nước đã thực

hiện chính sách đổi mới bắt đầu từ những năm 1980.

Điều chúng tôi muốn đề cập đến ở đây là những thay đổi trong đường lối phát triển kinh tế của Nhà nước đã có tác động to lớn đến sự biến đổi của gia đình.

Nhà nước đã giải thể chức năng kinh tế của gia đình với tư cách là một đơn vị sản xuất. Gia đình không còn sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Cơ sở kinh tế của nền kinh tế gia trưởng truyền thống về cơ bản đã bị giải thể. Người đàn ông trong gia đình không còn là người điều hành công việc sản xuất của gia đình, cũng không còn là người nắm giữ tài sản và phân phối lợi ích của gia đình. Điều này có tác động lớn đến các mối quan hệ trong gia đình. Tất cả các thành viên gia đình đều bình đẳng với nhau trong vai trò là xã viên của hợp tác xã hay tập đoàn sản xuất. Không khí bình đẳng, dân chủ trong gia đình được khích lệ hơn khi bên cạnh việc xoá bỏ hình thái gia đình dựa trên nền tảng của chế độ sở hữu tư nhân, Nhà nước chủ trương tấn công vào những tàn dư của chế độ phong kiến trong quan hệ gia đình để xây dựng mô hình gia đình mới phù hợp với quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Mô hình gia đình mới không chỉ là kết quả của sự biến đổi cơ sở kinh tế xã hội mà còn là sản phẩm của hệ tư tưởng mới gắn liền với đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ đầu những năm 1960, Nhà nước phát động phong trào xây dựng gia đình văn hoá mới gắn với phong trào vận động hợp tác hoá nông nghiệp ở Miền Bắc. Những tiêu chuẩn của gia đình văn hoá mới phản ánh những mục tiêu chính trị mà Nhà nước cần phải đạt được trong thời kỳ này, trọng tâm là xoá bỏ xoá bỏ kinh tế tư hữu. Ba tiêu chuẩn của gia đình văn hoá mới năm 1962 được Bộ Văn hoá khẳng định, đó là:

- Gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trọng tâm là tham gia xây dựng hợp tác xã, không buôn bán bên ngoài;
- Xây dựng tinh thần đoàn kết xóm thôn, giúp nhau trong lao động, sản xuất;
- Gia đình vệ sinh, ngăn nắp, gọn gàng và chi tiêu tiết kiệm.

Đến năm 1973, tiêu chuẩn gia đình văn hoá phát triển thành năm nội dung: lao động sản xuất giỏi; chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; vệ sinh, ngăn nắp, chi tiêu có kế hoạch, thực hiện kế hoạch

hoá gia đình; đoàn kết xóm giềng; gia đình hoà thuận.

Từ năm 1975, sau khi thống nhất đất nước, phong trào xây dựng gia đình văn hoá đã được phát động trên phạm vi cả nước, cũng với nội dung nói trên nhưng tiêu chuẩn “ Gia đình hoà thuận” được đưa lên đầu (Thanh Hương, 1997, tr.32, 33).

Qua các nội dung của gia đình văn hoá, có thể thấy Nhà nước đặc biệt chú ý đến vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức công dân cho các thành viên gia đình và còn xem nhẹ giáo dục phẩm chất đạo đức trong mối quan hệ gia đình. Điều này cũng cho thấy sự đối lập của hệ tư tưởng mới với hệ tư tưởng khổng giáo phong kiến trong giáo dục gia đình. Đối với khổng giáo, để trở thành một công dân tốt trước hết phải là một thành viên tốt trong gia đình; muốn trung với vua thì phải hiếu với cha; muốn trị quốc, bình thiên hạ thì trước tiên phải biết tu thân, tề gia. Hệ tư tưởng mới cho rằng một công dân tốt thì chắc chắn sẽ là một thành viên tốt trong gia đình. Trung với nước, hiếu với dân thì chắc chắn sẽ hiếu với cha mẹ. Không ai có thể nghi ngờ về phẩm chất đạo đức gia đình của những con người được xã hội ngưỡng mộ khi họ là cán bộ, bộ đội, công an, đảng viên, đoàn viên thanh niên... Địa vị xã hội càng cao thì phẩm chất người cha, người chồng, người vợ, người mẹ, người con trong mối quan hệ càng được khẳng định. Trong thời kỳ này, phẩm chất chính trị của cá nhân trở thành tiêu chuẩn có sức mạnh trong việc lựa chọn hôn nhân thay vì các tiêu chuẩn về tài sản hay gia đình môn đăng hộ đối.

Một sự kiện quan trọng khác đánh dấu tác động của Nhà nước đến sự biến đổi gia đình trong thời kỳ này, đó là sự ra đời của Luật Hôn nhân và Gia đình đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, năm 1960. Luật này bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng; ủng hộ quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn của các bên tham gia kết hôn, cả nam và nữ; quy định việc kết hôn phải được chính quyền địa phương công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức pháp lý do Nhà nước quy định; Nhà nước cấp giấy chứng nhận kết hôn và giấy chứng nhận ly hôn cũng như các giấy tờ khác như khai sinh, khai tử... Luật Hôn nhân và Gia đình ra đời đã tác động đến sự thay đổi các mối quan hệ bên trong gia đình cũng như mối quan hệ giữa gia đình với tổ chức xã hội bên ngoài. Trước hết nó khẳng định quyền bình đẳng nam nữ trong quan hệ hôn nhân và gia đình, chấm dứt về nguyên tắc chế độ đa thê (nhiều vợ) do xã hội cũ để lại. Chính cơ sở pháp lý này đã



thực sự giải phóng cho người phụ nữ và cả nam giới khỏi những ràng buộc bất công trong các cuộc hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho họ. Mặt khác, Nhà nước đã áp đặt quyền lực của mình bằng các nghị thức pháp lý thay cho các nghi thức phong tục trước đó trong việc kiểm soát quan hệ hôn nhân và gia đình.

### *Thời kỳ từ những năm 1980 đến nay*

Những sai lầm trong đường lối phát triển kinh tế, những yếu kém trong công tác quản lý và hậu quả của cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm đã đưa nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng vào cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980. Sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, năng suất lao động xã hội thấp, hàng hoá khan hiếm, đời sống của đại bộ phận các tầng lớp nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Trước tình hình đó, Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, năm 1986 đã đề xướng chủ trương “đổi mới” nhằm khôi phục và phát triển sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hoá, đưa nước ta thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng, từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Cùng với công cuộc đổi mới, mở cửa, trong các kỳ Đại hội tiếp theo, Đảng và Nhà nước đã công bố quyết tâm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để đến năm 2020, nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp hoá. Những thay đổi to lớn này đã có tác động mạnh mẽ đến gia đình, đơn vị cơ sở và là tế bào của xã hội.

Những tác động quan trọng của Nhà nước đến biến đổi gia đình trong thời kỳ này là: chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp; chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần; chính sách hạn chế sinh đẻ.

Chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp và phát triển kinh tế nhiều thành phần được Nhà nước ban hành từ đầu những năm 1980, theo đó gia đình trở thành một đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập tự chủ, chức năng sản xuất của gia đình được phục hồi, sở hữu tư nhân được thừa nhận tạo điều kiện cho phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế tư nhân được nhà nước công nhận là một trong những thành phần kinh tế có tư cách pháp nhân và bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế quốc dân.

Chức năng kinh tế của gia đình được phục hồi, dẫn đến những thay đổi trong đời sống gia đình. Theo truyền thống người đàn ông là chủ gia đình và là người tổ chức sản xuất và quyết định những công việc quan trọng của gia đình, trong khi người phụ nữ, người vợ đảm nhận nhiều hơn các công việc nội trợ trong gia đình. Tâm linh thờ cúng tổ tiên và quan hệ dòng họ được khôi phục ở cả nông thôn và đô thị.

Tuy nhiên, điểm mới trong chức năng kinh tế gia đình nông thôn thời kỳ này là gia đình không quay trở lại kinh tế gia đình gia trưởng tự cung tự cấp mà chuyển sang sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường. Cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu đầu tư, cơ cấu thu nhập và cơ cấu tiêu dùng của hộ gia đình có nhiều thay đổi. Gia đình vừa là nguồn cung cấp lao động vừa tham gia vào thị trường lao động, vừa sử dụng lao động làm thuê, làm công. Trong điều kiện mới, kinh tế gia đình không chỉ dừng lại ở qui mô nhỏ mà có thể mở rộng quy mô sản xuất thành kinh tế trang trại và doanh nghiệp gia đình. Những thay đổi này góp phần thay đổi các quy tắc của chuẩn mực gia đình truyền thống trong quan hệ gia đình. Quyền lực trong gia đình phụ thuộc nhiều hơn vào năng lực và sự sáng tạo cá nhân trong việc tổ chức sản xuất và tạo thu nhập cho gia đình thay vì thứ tự về tuổi tác hay khác biệt về giới tính.

Chính sách hạn chế sinh đẻ là một trong những chính sách lớn của Nhà nước có tác động trực tiếp và hiệu quả đến biến đổi quy mô gia đình, số con cặp vợ chồng, quan niệm về giá trị con cái, về quy mô và chất lượng dân số quốc gia. Xu hướng giảm quy mô gia đình do tác động của nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến vai trò của Nhà nước trong cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch trong những năm 1980, 1990 với mục tiêu nâng cao tuổi kết hôn của cặp vợ chồng, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con và khoảng cách mỗi lần sinh là 5 năm.

Việc giảm quy mô gia đình cũng tạo điều kiện thúc đẩy sự bình đẳng, dân chủ trong đời sống vợ chồng, tình cảm riêng tư của vợ chồng được coi trọng hơn. Hôn nhân ngày càng chú trọng hơn đến sự hoà hợp tâm lý, tình cảm, tình dục của đôi nam nữ. Việc sinh con không còn là mục đích duy nhất của hôn nhân. Việc sinh ít con giúp cho người phụ nữ có nhiều cơ hội tham gia vào các công việc tạo thu nhập, có nhiều thời gian rỗi hơn cho việc nâng cao trình độ chuyên môn và hưởng thụ văn hoá tinh thần. Hôn nhân và hoạt động tình dục đã tách khỏi chức năng sinh đẻ, trở thành một

giá trị tự nó. Việc giảm số con và giảm quy mô gia đình cũng giúp cho các bậc cha mẹ có điều kiện đầu tư chăm sóc và giáo dục trẻ em tốt hơn, do đó góp phần cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao hơn cho gia đình và xã hội.

Tác động của Nhà nước đến biến đổi gia đình ở thời kỳ này còn thể hiện ở việc Nhà nước chủ động và tích cực tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế, ký kết và cam kết thực hiện nhiều văn bản luật pháp quốc tế và “nội địa hoá” luật pháp quốc tế vào Việt Nam. Hai trong số các văn bản luật pháp quốc tế đã ký và cam kết thực hiện có tác động đến việc thay đổi các mối quan hệ trong gia đình, đó là: Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (năm 1980) và Công ước về Quyền trẻ em (năm 1990). Sau khi ký hai Công ước quan trọng này, Chính phủ đã phê duyệt các Kế hoạch hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000 và 2010; các chương trình hành động quốc gia về trẻ em Việt Nam năm 1990-2000, 2001-2010. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (năm 1991) và sửa đổi vào năm 2004; Luật Bình đẳng giới (2006); Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2007)... Những văn bản pháp lý này có tác động sâu sắc đến gia đình.

Việc tiếp nhận giá trị bình đẳng giới tác động đến sự thay đổi vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới trong gia đình. Người vợ và người chồng đều có quyền tham gia các quá trình sản xuất và hoạt động xã hội, bình đẳng về cơ hội phát triển, có tiếng nói và có quyền quyết định như nhau đối với những công việc quan trọng và tài sản chung và cùng nhau chia sẻ công việc gia đình gia đình. Bình đẳng giới còn thể hiện ở sự thay đổi quan niệm “trọng nam khinh nữ”, quý con trai hơn con gái. Xu hướng này ngày càng thể hiện rõ ràng hơn trong việc cha mẹ đầu tư cho con cái của họ học càng cao càng tốt mà không phân biệt con trai hay con gái.

Cùng với bình đẳng giới, quyền trẻ em là giá trị nhân văn mới nhanh chóng được gia đình Việt Nam tiếp nhận. Trước hết là sự thay đổi trong quan niệm của các cặp vợ chồng về giá trị của đứa con. Trước đây con cái được coi là tài sản riêng của bố mẹ, là sức lao động và nguồn của cải của bố mẹ. Càng nhiều con càng có nhiều sức lao động do đó sẽ tạo ra được nhiều của cải cho gia đình. Các cặp vợ chồng luôn mong muốn có nhiều con vì “nhiều con nhiều của”, “mỗi con mỗi lộc”. Do con cái được coi là

tài sản riêng của cha mẹ cho nên cha mẹ có toàn quyền quyết định số phận của con cái. Trong quan hệ cha mẹ con cái, thì con cái phải tuyệt đối phục tùng cha mẹ, không có ý kiến riêng, không được quyền tham dự vào những công việc của gia đình, kể cả những công việc có liên quan đến bản thân như chuyện học hành, nghề nghiệp, hôn nhân v.v.. Ngày nay, quan niệm này đã thay đổi về căn bản. Đứa con chuyển từ giá trị kinh tế sang giá trị tinh thần. Việc đầu tư cho con cái là nhằm phát triển và hoàn thiện con người (với chi phí lớn cho nuôi dưỡng, học tập, đào tạo nghề nghiệp kéo dài nhiều năm). Nguồn của cái không chảy từ con cái vào cha mẹ mà chảy từ cha mẹ vào con cái. Bên cạnh những bổn phận đối với cha mẹ, trẻ em có tất cả các quyền của một con người và của một trẻ em trong quan hệ đối với cha mẹ. Trẻ em không phân biệt trai gái, con trong giá thú, con ngoài giá thú, con đẻ, con nuôi, con riêng, con chung, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, chính kiến của cha mẹ hoặc của người nuôi dưỡng, đều được nuôi dưỡng, đều được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật. Trong gia đình, cha mẹ là người trước tiên chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, nuôi dạy trẻ em, dành những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em.

Thực hiện bình đẳng giới, thay đổi quan niệm về trẻ em, nhận thức quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em là những thay đổi lớn lao trong gia đình Việt Nam và cũng là một thuận lợi rất căn bản để gia đình Việt Nam hướng tới đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tóm lại, việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến biến đổi gia đình cho thấy Nhà nước là người chủ động tạo ra cũng như điều chỉnh sự biến đổi gia đình theo ý chí chủ quan của mình. Mỗi nhân tố đều có tác động hai mặt đến biến đổi gia đình, bao gồm cả những tác động tích cực và tác động tiêu cực. Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc gạt bỏ, hạn chế các tác động tiêu cực đến biến đổi gia đình, kể cả những tác động tiêu cực do chính Nhà nước tạo ra. ■

#### **Tài liệu tham khảo**

Luật Hôn nhân và Gia đình. 2000.

Thanh Hương. 1997. *Gia đình văn hoá*. Xây dựng gia đình văn hoá trong sự